BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Văn học

Khoá học: 2026 – 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số:1102/QĐ-ĐHPĐ-ĐT, ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phương Đông)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Văn học	
Đơn vị cấp bằng	**Đơn vị giảng dạy**
Trường Đại học Phương Đông	Trường Đại học Phương Đông
Khoa quản lý	
Khoa Ngoại ngữ	
Trang thông tin điện tử của Khoa	
https://www.phuongdong.edu.vn/khoa-ngoai-ngu	
Tên văn bằng	
Cử nhân	
Mã ngành đào tạo	
7229030	
Điều kiện tuyển sinh	
Ngành Văn học tuyển sinh theo các phương thức sau: - Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia; - Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (học bạ)	
Thời gian và hình thức đào tạo	

Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo
Cử nhân Văn học	3,5 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9/2026	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thức tập thực tế
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt				
Ngôn ngữ dùng để đánh giá				
Tiếng Việt				

2. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm – Học vị	Số lượng				Ghi chú
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	Tổng cộng	
1	Giáo sư	03	0	0	3	
2	Phó giáo sư	07	01	0	8	
3	Tiến sĩ	10	01	0	11	
4	Thạc sĩ	35	03	02	43	
5	Cử nhân	01	0	01	01	
TỔNG CỘNG		**61**	**05**	**0**	**66**	

3. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp chương trình Cử nhân Văn học ở Trường Đại học Phương Đông có thể có thể đảm nhiệm đa dạng các vị trí công việc, đặc biệt thích hợp phát huy năng lực trong hai lĩnh vực: giảng dạy và các lĩnh vực ứng dụng văn học như: nghệ thuật, truyền thông, quan hệ công chúng,… Cụ thể:

Người học theo định hướng giảng dạy Ngữ văn có thể đảm nhận vị trí:

- Giáo viên dạy môn Ngữ văn (văn học, tiếng Việt) tại các trường trung học, trung tâm đào tạo và bổ túc văn hoá.

Người học theo định hướng ứng dụng văn học có thể đảm nhận vị trí:

- Biên kịch sân khấu và điện ảnh, trợ lý trường quay, chuyên viên dựng phim, chuyên viên quản lý và tổ chức quảng bá nghệ thuật, nhà phê bình nghệ thuật;
- Biên tập viên (nhà xuất bản, tòa soạn, đài truyền hình), phóng viên…
- Chuyên viên PR, chuyên viên xây dựng ý tưởng và tổ chức nội dung (copywriter) trong các đơn vị PR, truyền thông, quảng cáo, tổ chức sự kiện.

4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

4a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo	
Triết lý giáo dục của ngành Văn học chú trọng hình thành ở người học tình yêu văn học, ý thức gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa, đồng thời phát triển tư duy độc lập, phản biện và sáng tạo. Trên nền tảng tri thức văn học, người học được phát triển năng lực nghiên cứu, phân tích, giao tiếp và vận dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp. Chiến lược dạy – học của ngành lấy người học làm trung tâm, giảng dạy kết hợp giữa lý thuyết, thảo luận, thực hành, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế. Ngành tăng cường tiếp cận liên ngành, kết nối văn học với ngôn ngữ, văn hóa, nghệ thuật, truyền thông và các lĩnh vực sáng tạo. Qua đó, ngành hướng tới đào tạo cử nhân Văn học có nền tảng nhân văn, tư duy khoa học, năng lực sáng tạo, khả năng thích ứng với môi trường thực tiễn.	
4b. Mục tiêu của CTĐT	
Chương trình đào tạo Cử nhân Văn học trang bị cho người học những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về lĩnh vực văn học và các lĩnh vực liên ngành, đặc biệt là liên ngành giảng dạy văn học, quan hệ công chúng, báo chí truyền thông và nghệ thuật học; giúp người học rèn luyện phẩm chất đạo đức, thể hiện giá trị ưu việt của bản thân góp phần phát triển giá trị tốt đẹp của cộng đồng; giúp người học rèn luyện năng lực nghề nghiệp đáp ứng xu hướng nghề nghiệp trong trong môi trường quốc tế, đa văn hóa.	
4c. Chuẩn đầu ra của CTĐT	
Kiến thức:	
PLO 1	Áp dụng kiến thức về triết học Mác – Lênin, lí luận chính trị, pháp luật và môi trường vào các hoạt động nghề nghiệp.
PLO 2	Vận dụng kiến thức triết học Đông – Tây, mỹ học, nghệ thuật học, triết học, lịch sử, văn hoá, tiếng Việt, phương pháp nghiên cứu khoa học vào các hoạt động chuyên môn.
PLO 3	Phân tích các vấn đề văn học dựa trên việc vận dụng nền tảng kiến thức lý luận văn học nhằm giải quyết hiệu quả yêu cầu công việc chuyên môn.
PLO 4	**a: [Dành cho định hướng giảng dạy]** Vận dụng kiến thức giáo dục, lý luận và phương pháp dạy học; kiến thức ngữ văn vào giải quyết hiệu quả yêu cầu công việc giảng dạy văn học. **b: [Dành cho định hướng ứng dụng văn học]** Vận dụng kiến thức văn học với các kiến thức liên ngành truyền thông, quan hệ công chúng và nghệ thuật vào giải quyết hiệu quả yêu cầu công việc trong lĩnh vực truyền thông, quan hệ công chúng và quảng bá nghệ thuật.

Kỹ năng:	
PLO 5	**a [Dành cho định hướng giảng dạy]:** Phối hợp các kỹ năng giảng dạy và đánh giá kết quả, các kỹ năng xây dựng, tổ chức và quản lý hoạt động giáo dục để giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ đào tạo và giảng dạy Ngữ văn. **b [Dành cho định hướng ứng dụng văn học]:** Phối hợp các kỹ năng ứng dụng văn học đáp ứng yêu cầu công việc trong lĩnh vực nghệ thuật, truyền thông và quan hệ công chúng.
PLO 6	Sử dụng thành thạo Công nghệ thông tin ứng dụng trong lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy và ứng dụng văn học;đạt chuẩn ngoại ngữ theo yêu cầu đối với trình độ đại học của Việt Nam.
PLO 7	Sử dụng thành thạo các kỹ năng làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. trong vai trò lãnh đạo hoặc là thành viên của nhóm.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	
PLO 8	Vận dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện, các công cụ công nghệ thông tin một cách hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp.
PLO 9	Thiết kế và thực hiện đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực văn học và liên ngành đáp ứng nhu cầu xã hội và sự phát triển của ngành.
PLO 10	Thể hiện tinh thần trách nhiệm, tư duy phản biện, sáng tạo, phẩm chất đạo đức, tinh thần khởi nghiệp và học tập suốt đời nhằm phát triển bản thân thích ứng với sự thay đổi của thực tế nghề nghiệp.
4.d. Những đặc điểm khác của CTĐT	
i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa	
- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước. - Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.	
ii) Các vấn đề khác	
- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật. - Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.	

5. Các chương trình và quy định được tham khảo

5.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học).
- Đối sánh CTĐT với các trường:

+ Trong nước: Trường Đại học Văn Lang, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội

+ Nước ngoài: Đại học Công nghệ Nanyang – NTU Singapore (Nanyang Technological University), Đại học Yale – Hoa Kỳ (Yale University)

5b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên tích lũy đủ 133 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của Nhà trường (nếu có).
2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):
   - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
   - Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
   - Khá: từ 2.50 đến 3.19
   - Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

6. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

6.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
	HỌC KỲ 1												
	1	VNS722017	Tiếng Việt thực hành	3	45	45				BB	Không		Không
		VNS722017	Nghệ thuật học	3	45					BB	Không		Không
		ITE710001	Kỹ năng số	2			60			BB	Không		Không
		VNS710008	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45	45				BB	Không		Không
	HỌC KỲ 2												
	2	VNS722018	Lịch sử văn minh thế giới	3	45	45				BB	Không		Không
		VNS712004	Kỹ năng công dân toàn cầu	3	60	30	30			BB	Không		Không
		VNS722022	Mỹ học đại cương	3	45	45				TC	Không		
		VNS722021	Tinh hoa triết học cổ điển Đông – Tây	3	45	45				TC	Không		Không
		FOS710001	Anh văn 1	3	45	45				BB			Không
		ITE710002	Khám phá AI	2			60			BB	Không		Không
	HỌC KỲ 3												
	3	FOS710002	Anh văn 2	3	45	45				BB	FOS710001		Không
		VNS712001	Môi trường và con người	2	30					BB	Không		Không

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
		VNS722009	Tinh hoa văn học cổ điển phương Đông và các hướng ứng dụng	3	45	45				BB	Không	Không	Không
		POL710001	Triết học Mác – Lênin	3	45	45				BB	Không		Không
		VNS722020	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	3	60	30	30			BB	Không	Không	Không
	HỌC KỲ 4												
	4	FOS710003	Anh văn 3	3	45	45				BB	FOS710002		Không
		SPO760001	**Giáo dục thể chất**	**3**						BB			
		MGT720001	Quản trị học	**3**	45	45				BB	Không		
		VNS722004	Văn học, nhà văn và bạn đọc	3	45	45				BB	Không		Không
		POL710002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30	30				BB	POL710001		Không
		VNS712002	Logic và tư duy phản biện	2	30	30				BB	Không	Không	Không
		LAW710006	Pháp luật đại cương	2	30	30				BB	Không		Không
	HỌC KỲ 5												
	5	FOS710004	Anh văn 4	3	45	45				BB	FOS710003		Không
		POL710003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30				BB	POL710002		Không
		MIL760001	**Giáo dục Quốc phòng và An ninh**	**11**						BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
		VNS722011	Tinh hoa văn học cổ điển phương Tây và các hướng ứng dụng	3	45	45				BB	Không	Không	Không
		VNS722006	Tinh hoa văn học dân gian và các hướng ứng dụng	3	45	45				BB	Không	Không	Không
	HỌC KỲ 6												
	6	FOS710005	Anh văn 5	3	45	45				BB			
		POL710004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30				BB	POL710003		Không
		VNS722012	Văn học hiện đại phương Tây: những hướng tiếp cận mới	3	45	45				BB			VNS722011
		VNS722007	Văn học hiện đại Việt Nam từ 1900 đến 1945: những hướng tiếp cận mới	3	45	45				BB			
		FOS710006	Khởi nghiệp	3	45	45				BB	Không	Không	Không
	HỌC KỲ 7												
	7	VNS722016	Các trường phái lí luận và phê bình văn học phương Tây	3	45	45				TC	Không		

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
		POL710005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30				BB	Không		POL710004
		VNS722005	Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học	3	45	45				TC	Không		Không
		VNS722013	Tinh hoa văn học cổ điển Việt Nam và các hướng ứng dụng	3	45	45				TC	Không	Không	Không
		VNS722026	Tinh hoa văn học Nga và các hướng ứng dụng	2	30	30				TC	Không		Không
		VNS722025	Tổ chức sự kiện văn hóa, nghệ thuật	2	30	30				TC	Không		Không
		VNS722023	Văn hóa đại chúng	2	30	30				TC	Không		Không
		VNS722024	Văn hóa và văn học hậu hiện đại	2	30	30				TC	Không		Không
		VNS722010	Văn học hiện đại phương Đông: những hướng tiếp cận mới	3	45	45				BB	Không		VNS722009
		VNS722015	Văn học và giới: lí thuyết và ứng dụng	3	45	45				TC	Không		Không

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
		VNS722014	Văn học và sinh thái: lí thuyết và ứng dụng	3	45	45				TC	Không		Không
		VNS722008	Văn học hiện đại Việt Nam từ sau 1945 đến nay: những hướng tiếp cận mới	3	45	45				BB			VNS722013
	HỌC KỲ 8												
	8		***Chuyên ngành: Ứng dụng Văn học***										
		VNS732031	Nhập môn quan hệ công chúng	3	60	30	30			TC	Không	Không	Không
		VNS732027	Nhập môn điện ảnh và phê bình điện ảnh	3	45	45				BB	Không	Không	Không
		JMC720006	Kỹ thuật quay và dựng phim	3	60	30	30			BB	Không	Không	VNS732027
		VNS732032	PR sản phẩm văn hóa nghệ thuật	3	60	30	30			TC	Không	Không	VNS732031
		VNS732033	Thể hiện ý tưởng	3	45	45				TC	Không	Không	Không
		VNS732035	Tinh hoa sân khấu truyền thống phương Đông	3	45	45				TC	Không	Không	Không
		JMC730009	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3	30	30				TC	Không	Không	Không

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
		VNS732034	Nghiệp vụ biên tập	3	60	30	30			TC	Không	Không	JMC721001
			Chuyên ngành: Giảng dạy Ngữ văn										
		TED721008	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	3	45	45				TC	Không		
		TED721040	Giáo dục học đại cương	3	45	45				BB	Không		Không
		TED721041	Giao tiếp sư phạm	3	30	30				BB	Không	Không	
		VNS732041	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Ngữ văn	3	30	30				TC	Không	Không	
		VNS732043	Lý luận chung về phương pháp dạy học Ngữ văn	3	60	30	30			TC	Không	Không	
		VNS732040	Lý luận và phương pháp dạy học tạo lập văn bản ở trường trung học	3	60	30	30			TC	Không	Không	VNS732043
		VNS732042	Phân tích và phát triển chương trình Ngữ văn	3	45	45				TC	Không	Không	
		TED721042	Tổ chức hoạt động giáo dục ở trường phổ thông	3	30	30				TC	Không	Không	
	HỌC KỲ 9												

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
	9		***Chuyên ngành: Ứng dụng Văn học***										
		VNS732030	Kỹ năng viết các thể loại báo chí	3	60	30	30			BB	Không	Không	Không
		VNS732029	Kỹ năng viết kịch bản truyền thông	3	60	30	30			BB	Không	Không	
		VNS732028	Kỹ năng viết kịch bản điện ảnh	3	45	45				BB	Không	Không	
		JMC721001	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	3	60	30	30			BB	Không	Không	
		JMC730010	Tổ chức và quản trị sự kiện	3	60	30	30			BB	Không	Không	
			Chuyên ngành: Giảng dạy Ngữ văn										
		TED721043	Lý luận dạy học	3	45	45				BB	Không	Không	Không
		VNS732038	Lý luận và phương pháp đánh giá năng lực Ngữ văn	3	45	45				BB	Không	Không	
		VNS732039	Lý luận và phương pháp tiếp nhận văn bản ở trường trung học	3	45	45				BB	Không	Không	VNS732043
		VNS731003	Ngữ pháp tiếng Việt	3	45	45				BB	Không	Không	Không

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
		VNS732048	Tâm lý học giáo dục	3	45	45				BB	Không	Không	Không
	HỌC KỲ 10												
	10		***Chuyên ngành: Ứng dụng Văn học***										
		VNS772036	HPTN1: Ứng dụng văn học trong truyền thông, PR và nghệ thuật	4	60					TTKL	Không	Không	Không
		VNS772037	HPTN2: Viết và tư duy sáng tạo trong ứng dụng văn học	4	60					TTKL	Không	Không	Không
		VNS752047	Khóa luận tốt nghiệp	8	360					BB	Không	Không	Không
		VNS742046	Thực tập	4	180					BB	Không	Không	Không
			Chuyên ngành: Giảng dạy Ngữ văn										
		VNS772044	HPTN1: Phương pháp dạy Ngữ văn ở trường phổ thông	4	60					TTKL	Không	Không	Không
		VNS772045	HPTN2: Viết và tư duy sáng tạo trong giảng dạy Ngữ văn	4	60					TTKL	Không	Không	Không
		VNS752047	Khóa luận tốt nghiệp	8	360					BB	Không	Không	Không
		VNS742046	Thực tập	4	180					BB	Không	Không	Không

6.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
1	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác – Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc thuộc hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo đại học. Nội dung học phần gồm 3 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Qua đó, học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực vận dụng các kiến thức triết học Mác – Lênin vào hoạt động nhận thức, cũng như thực tiễn học tập.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận như: Khái quát sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần giúp người học nắm vững, giải thích được những vấn đề mang tính quy luật trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay. Nội dung học phần tập trung vào các nhóm vấn đề: sứ

			mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong quá trình xây dựng xã hội XHCN (dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp, liên minh giai cấp, dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH). Kiến thức của học phần là cơ sở để người học nhận diện, vận dụng kiến thức chủ nghĩa xã hội khoa học và lý giải một số vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn Việt Nam, góp phần nâng cao ý thức công dân và trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội; đồng thời cũng là cơ sở lý luận để người học tiếp cận về môn học tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được khái niệm, cơ sở và quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; liên hệ các nội dung cơ bản và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Nội dung học phần tập trung vào cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và con người. Kiến thức của học phần góp phần hình thành tư duy độc lập, năng lực liên hệ và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, rèn luyện và giải quyết các vấn đề thực tiễn; đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của người học đối với cộng đồng, đất nước và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu lịch sử Đảng; vận dụng kiến thức lịch sử để lý giải các chủ trương, đường lối của Đảng trong từng thời kỳ. Nội dung học phần tập trung vào quá trình thành lập Đảng; sự lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến và kiến quốc; xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới. Trên cơ sở tổng kết những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng, học phần giúp người học hình thành năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề lịch sử – chính trị và vận dụng những bài học lịch sử vào nhận thức các vấn đề thực tiễn của Việt Nam.
6	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức nền tảng về nhà nước, pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày, giải thích nguồn gốc, bản chất, chức năng, kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật; nhận diện quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hình thức thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; vận dụng quy định pháp luật để xử lý tình huống pháp lý đơn giản. Nội dung học phần gồm những vấn đề cơ bản của pháp luật hiến pháp, hành chính, hình sự, dân sự và tố tụng. Qua học phần, người học hình thành khả năng lựa

			chọn cách ứng xử phù hợp với pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân, đồng thời nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm công dân.
7	Môi trường và con người	2	Học phần hệ thống và phân tích các vấn đề cơ bản về môi trường, mối quan hệ tương hỗ giữa con người và môi trường, cơ sở khoa học môi trường, nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu. Hình thành ý thức bảo vệ môi trường trong cuộc sống hàng ngày và các hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.
8	Logic học và tư duy phản biện	2	Học phần hệ thống và phân tích kiến thức logic học. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện; rèn luyện khả năng tư duy logic, sáng tỏ, độc lập; rèn luyện óc phán đoán một vấn đề thực tiễn một cách tường minh, tránh những định kiến, tiền định, lối mòn tư duy.
9	Quản trị học	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khoa học quản trị và hoạt động quản lý trong tổ chức. Nội dung học phần tập trung vào các chức năng cơ bản của quản trị như: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra; đồng thời trang bị cho người học những kiến thức về môi trường quản trị, kỹ năng ra quyết định, quản trị nhân sự và quản trị thông tin trong tổ chức. Bên cạnh đó, học phần giúp người học rèn luyện tư duy quản lý, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn trong môi trường học

			tập và nghề nghiệp. Qua đó, người học có thể vận dụng các nguyên tắc quản trị vào hoạt động học tập, nghiên cứu và công việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau.
10	Anh văn 1	3	Anh văn 1 (AV1) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản ở trình độ A1 theo CEFR (tương đương IELTS 3.0). Học phần giúp người học trình bày, mô tả và trao đổi được thông tin cơ bản về bản thân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống, học tập; đồng thời bước đầu hình thành kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và tư duy phản biện. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở trình độ A1; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại ngắn về chủ đề quen thuộc; kỹ năng nói – viết trình bày thông tin cá nhân; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV2 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
11	Anh văn 2	3	Anh văn 2 (AV2) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, tiếp nối AV1, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản ở trình độ A2 theo CEFR (tương đương IELTS 3.5). Học phần giúp người học trình bày, mô tả và trao đổi mạch lạc hơn về các chủ đề quen thuộc liên quan đến trải nghiệm, môi trường và lịch sử; tiếp tục rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ A2; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại về

			chủ đề quen thuộc; kỹ năng nói – viết mô tả, kể chuyện và trình bày quan điểm đơn giản; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV3 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
12	Anh văn 3	3	Anh văn 3 (AV3) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ A2+ theo CEFR (tương đương IELTS 4.0). Học phần giúp người học trình bày, so sánh – đối chiếu và lý giải nguyên nhân – kết quả về các chủ đề quen thuộc trong đời sống hằng ngày; phát triển kỹ năng diễn đạt quan điểm cá nhân bằng cấu trúc rõ ràng hơn. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ A2+; kỹ năng nghe – đọc hiểu văn bản, hội thoại có độ dài và độ phức tạp tăng dần; kỹ năng nói – viết diễn đạt vấn đề – giải pháp, so sánh – đối chiếu; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV4 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
13	Anh văn 4	3	Anh văn 4 (AV4) là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh đạt trình độ B1 theo CEFR (tương đương IELTS 4.5). Học phần giúp người học phân tích, tóm tắt và trình bày lập luận về các chủ đề quen thuộc trong đời sống và học tập; phát triển kỹ năng phân tích ưu – nhược điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ B1; kỹ năng nghe – đọc hiểu, tóm tắt nội dung chính và chi tiết của văn bản, hội thoại; kỹ năng nói

			– viết trình bày bài phát biểu và bài luận phân tích ưu – nhược điểm; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học tiếp tục học AV5 và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh.
14	Anh văn 5	3	Anh văn 5 (AV5) là học phần cuối thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ B1+ theo CEFR (tương đương IELTS 5.0). Học phần giúp người học phân tích các mối quan hệ logic, quan điểm và luận điểm trong văn bản, hội thoại; đồng thời trình bày bài nói, viết báo cáo và bài luận có cấu trúc rõ ràng. Nội dung học phần tập trung vào bốn nhóm vấn đề: từ vựng và ngữ pháp ở trình độ B1+; kỹ năng nghe – đọc hiểu, phân tích văn bản, hội thoại có cấu trúc phức tạp; kỹ năng nói – viết trình bày, xử lý tình huống và viết báo cáo, bài luận; và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh căn bản. Kiến thức và kỹ năng của học phần là cơ sở để người học đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh của chương trình, phục vụ học tập chuyên ngành và tham gia các kỳ thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.
15	Kỹ năng số	2	Môn học gồm 6 modules - Module 1: Khai thác dữ liệu và thông tin, hướng dẫn sinh viên kỹ năng duyệt, tìm kiếm và trích xuất dữ liệu. Hướng dẫn sinh viên thiết lập quy trình sao lưu, áp dụng các phương pháp bảo mật dữ liệu và chia sẻ dữ liệu an toàn - - Module 2: giao tiếp và hợp tác trong môi trường số. Hướng dẫn sinh viên cách hợp tác trong công việc và học tập trong môi trường số. Hiểu và áp dụng các

			nguyên tắc ứng xử trên mạng, quản lý danh tính số và các dịch vụ công một cách hiệu quả. - Module 3: ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh. Giới thiệu các khái niệm cơ bản về AI. Hướng dẫn sinh viên thực hiện viết Prompt và sử dụng các công cụ AI tạo sinh để xây dựng các sản phẩm số. Đánh giá và nhận dạng các vấn đề quyền riêng tư, đạo đức và bản quyền khi sử dụng các công cụ AI tạo sinh. - Module 4: sáng tạo nội dung số. Hướng dẫn sinh viên cách xác định mục tiêu của nội dung số và lập kế hoạch xây dựng nội dung số. Áp dụng các công cụ để viết nội dung, kịch bản và thiết kế, xây dựng các sản phẩm số. Trong quá trình xây dựng sản phẩm số, sinh viên xác định được các thành phần có bản quyền và áp dụng các giấy phép bản quyền phù hợp. - Module 5: giải quyết vấn đề. Hướng dẫn sinh viên cách xác định các lỗi về phần cứng, phần hướng dẫn cách sử dụng các công cụ số để phân tích dữ liệu, mô hình hóa định lượng cũng như trình bày nội dung học thuật một cách chuyên nghiệp. - Module 6: an toàn trên môi trường số. Hướng dẫn cho sinh viên các nguy cơ khi sử dụng mạng Internet, các loại hình tấn công dữ liệu cá nhân và các biện pháp bảo vệ. Hướng dẫn cách bảo vệ sức khỏe khi sử dụng các thiết bị điện từ cũng như bảo về môi trường khỏi tác động của công nghệ số.
16	Khám phá AI	2	Môn học bao gồm 6 chương **Chương 1:** tổng quan về trí tuệ nhân tạo. Giới thiệu các khái niệm cơ bản về AI, cơ chế hoạt động và sự phát triển của AI trong bối cảnh chuyển đổi số.

			Hướng dẫn sinh viên nhận diện khả năng, giới hạn và tác động của AI đối với học tập, nghề nghiệp và xã hội. **Chương 2:** năng lực hiểu biết AI. Hướng dẫn sinh viên hình thành năng lực hiểu, đánh giá và kiểm chứng đầu ra của AI. Nhận diện các rủi ro liên quan đến độ tin cậy, bảo mật dữ liệu, đạo đức, bản quyền và trách nhiệm khi sử dụng AI trong học tập và công việc. **Chương 3**: kỹ thuật Prompting: giao tiếp, kiểm soát và cộng tác với AI. Hướng dẫn sinh viên xây dựng prompt hiệu quả và cải thiện kết quả đầu ra thông qua quá trình tương tác với AI. Áp dụng các kỹ thuật prompting để hỗ trợ học tập, nghiên cứu và giải quyết các công việc thực tế. **Chương 4:** từ Transformer đến AI tạo sinh văn bản. Giới thiệu nguyên lý tạo sinh văn bản của các mô hình ngôn ngữ hiện đại. Hướng dẫn sinh viên sử dụng AI tạo sinh để xây dựng, chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung phục vụ học tập và công việc. Trong quá trình sử dụng AI, sinh viên đánh giá độ tin cậy của thông tin và thực hiện các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm. **Chương 5:** từ AI Code Assistant đến công cụ No-Code / Low-Code. Hướng dẫn sinh viên sử dụng AI như một trợ lý hỗ trợ lập trình và phát triển sản phẩm số. Áp dụng AI để xây dựng các ứng dụng đơn giản, đồng thời đánh giá và kiểm soát chất lượng kết quả do AI tạo ra trong quá trình cộng tác với AI. **Chương 6:** từ Diffusion đến AI tạo sinh hình ảnh và video. Giới thiệu nguyên lý tạo sinh hình ảnh bằng AI và các ứng dụng trong thực tiễn. Hướng dẫn

			sinh viên sử dụng AI để xây dựng các sản phẩm hình ảnh phục vụ học tập và công việc. Trong quá trình sáng tạo, sinh viên nhận diện các vấn đề về độ tin cậy, bản quyền và trách nhiệm khi sử dụng nội dung do AI tạo ra.
17	Kỹ năng công dân toàn cầu	3	Trang bị cho SV các kỹ năng mềm cơ bản theo bộ kỹ năng công dân thế kỷ 21: Phương pháp học đại học, Kỹ năng quản lý thời gian và lập kế hoạch học tập, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng giải quyết vấn đề cơ bản, Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng công dân số, Kỹ năng thuyết trình. Hoc phần tổ chức giao lưu kết nối doanh nghiệp chủ đề "Từ trường học đến trường đời". Hướng dẫn người học thực hiện dự án *vì cộng đồng xuyên suốt môn học gắn với ngành học của SV.*
18	Khởi nghiệp	3	Học phần Khởi nghiệp cung cấp bức tranh toàn cảnh về hành trình biến ý tưởng thành dự án thực tế thông qua việc tích hợp hai phương pháp luận cốt lõi là Design Thinking và Lean Startup. Môn học bắt đầu bằng tư duy Design Thinking để thấu hiểu người dùng và sáng tạo giải pháp, sau đó áp dụng Lean Startup nhằm xây dựng sản phẩm khả thi tối thiểu (MVP), thử nghiệm thị trường và cải tiến liên tục. Sinh viên tiếp tục hoàn thiện mô hình kinh doanh (BMC), lập kế hoạch tài chính, quản trị rủi ro và đặc biệt là rèn luyện kỹ năng trình bày dự án (pitching) chuyên nghiệp để thuyết phục nhà đầu tư. Học phần còn chú trọng kỹ năng truyền tải câu chuyện sản phẩm (storytelling), thiết kế slide gọi vốn thu hút và phản biện linh hoạt trước các chuyên gia. Tất cả được đúc kết qua dự án thực hành, giúp người học vừa nắm vững tư duy vận hành linh hoạt, vừa tự tin khởi nghiệp thành công.

19	Văn học, nhà văn và bạn đọc	3	Trình bày và phân tích các vấn đề nguyên lí văn học: bản chất, đặc trưng, chức năng của văn học; phân tích mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, giữa văn học với hình thái ý thức xã hội khác; phân tích quan niệm nhà văn và hình tượng tác giả, người trần thuật,...; phân tích đặc trưng sáng tạo văn học; phân quan niệm về người đọc, vai trò của người đọc với hoạt động sáng tạo, người đọc với hoạt động thưởng thức, thẩm bình và lưu truyền tác phẩm văn học.
20	Tinh hoa VH dân gian và các hướng ứng dụng	3	Học phần trình bày hệ thống va phân tích bản chất, đặc trưng văn học dân gian; phân tích các thể loại văn học dân gian (thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ca dao, câu đố, đồng dao, vè,...); phân tích các xu hướng ứng dụng VHDG qua các thời đại, đặc biệt trong xã hội và truyền thông đương đại.
21	Văn học hiện đại Việt Nam từ 1900 đến 1945: những hướng tiếp cận mới	3	Học phần phân tích tiến trình văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945; giải thích các hiện tượng, giá trị của văn học đầu thế kỷ, những ảnh hưởng của văn học Pháp với văn học Việt Nam và ảnh hưởng của văn học đầu thế kỷ đối với những giai đoạn văn học sau năm 1945. Học phần hướng dẫn sinh viên tiếp cận, phân tích các hiện tượng văn học hiện đại Việt Nam từ hướng lý thuyết văn học hiện đại và lý thuyết liên ngành văn học; khai mở một số định hướng ứng dụng.
22	Văn học hiện đại Việt Nam từ sau 1945 đến nay: những hướng tiếp cận		Học phần phân tích tiến trình văn học Việt Nam từ sau năm 1945; phân tích các hiện tượng, ảnh hưởng điều kiện văn hoá xã hội đối với văn học; phân tích đặc điểm, thành tựu và hạn chế của các giai đoạn văn học sau năm 1945 đến nay. Học phần hướng dẫn sinh viên tiếp

			cận, phân tích các hiện tượng văn học hiện đại Việt Nam từ hướng lý thuyết văn học hiện đại và lý thuyết liên ngành văn học; khai mở một số định hướng ứng dụng.
23	Tinh hoa văn học cổ điển phương đông và các hướng ứng dụng	3	Học phần hệ thống kiến thức văn học cổ điển phương Đông (lịch sử các giai đoạn phát triển); hân tích tinh hoa thẩm mỹ, tinh thần nhân văn của văn học cổ điển phương Đông qua các hiện tượng đặc biệt nổi bật thuộc các nền văn học Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Đông Nam Á, Trung Đông; hướng dẫn tiếp cận thể loại văn học cổ điển; phân tích ảnh hưởng của văn học cổ điển đối với văn hóa-văn học đương đại; phân tích các xu hướng ứng dụng văn học cổ điển trong sân khấu, điện ảnh, hội họa, âm nhạc, truyền thông, quan hệ công chúng, sinh thái,…
24	Văn học hiện đại phương Đông: những hướng tiếp cận mới	3	Học phần trình bày kiến thức về lịch sử phát triển, giới thiệu thành tựu nổi bật của văn học đương đại phương Đông; áp dụng lý thuyết văn học hiện đại và các lý thuyết liên ngành văn học phân tích khái quát đặc điểm và xu hướng phát triển các nền văn học lớn ở phương Đông: văn học đương đại Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Trung Đông, Đông Nam Á; phân tích quan hệ liên ngành văn hóa - văn học - nghệ thuật - xã hội phương Đông hiện đại.
25	Tinh hoa văn học cổ điển phương Tây và các hướng ứng dụng	3	Học phần trình hệ thống kiến thức lịch sử phát triển văn học phương Tây, thành tựu nổi bật của văn học phương Tây; phân tích tinh hoa thẩm mỹ, tinh thần nhân văn của văn học cổ điển phương Tây qua các hiện tượng đặc biệt nổi bật thuộc các nền văn học Hy Lạp - La Mã, Anh, Pháp, Nga; hướng dẫn tiếp cận tinh hoa văn học cổ điển phương Tây qua thể loại; phân

			tích ảnh hưởng văn học cổ điển phương Tây đối với văn hóa - văn học phương Tây đương đại; phân tích các xu hướng ứng dụng văn học cổ điển trong sân khấu, điện ảnh, hội họa, âm nhạc, truyền thông, quan hệ công chúng, sinh thái,…
26	Văn học hiện đại phương Tây: những hướng tiếp cận mới	3	Học phần trình bày kiến thức về lịch sử phát triển, giới thiệu thành tựu nổi bật của văn học đương đại phương Tây; áp dụng lý thuyết văn học hiện đại và các lý thuyết liên ngành văn học phân tích khái quát đặc điểm và xu hướng phát triển các nền văn học lớn ở phương Tây, tập trung vào văn học đương đại Pháp, Anh, Mỹ. phân tích quan hệ liên ngành văn hóa - văn học - nghệ thuật - xã hội phương Tây hiện đại.
27	Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học	3	Học phần trình bày khái niệm, quan niệm về tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học; phân tích các vấn đề lý luận về tác phẩm (cấu trúc, loại hình, tính chỉnh thể); phân tích đặc trưng thể loại văn học từ các góc nhìn khác nhau; phân tích mối quan hệ tác phẩm - thể loại – tiến trình văn học trong đó lấy thể loại làm trung tâm của tiến trình các là hướng tiếp cận tác phẩm. Học phần chú trọng hướng dẫn sinh viên thực hành phân tích thể loại và tiến trình văn học Việt Nam thông qua phân tích tác phẩm văn học Việt Nam và so sánh văn học thế giới.
28	Tinh hoa văn học cổ điển Việt Nam và các hướng ứng dụng	3	Học phần hệ thống kiến thức quá trình phát triển văn học trung đại Việt Nam; phân tích tinh hoa thẩm mỹ, tinh thần nhân văn của văn học cổ điển Việt Nam qua các hiện tượng đặc biệt nổi bật: Văn học Lý - Trần; Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ,…; hướng dẫn tiếp cận thể loại văn học cổ điển; phân tích ảnh hưởng của văn học cổ điển đối với văn hóa - văn học đương đại; phân tích các xu hướng ứng dụng văn học cổ điển trong sân khấu, điện ảnh, hội họa, âm nhạc, truyền thông, quan hệ công chúng, sinh thái,…

29	Văn học và sinh thái: lí thuyết và ứng dụng	3	Học phần trình bày khái niệm sinh thái; lý thuyết sinh thái, quan hệ giữa con người và sinh thái; hướng dẫn sinh viên vận dụng lý thuyết sinh thái vào phân tích ý nghĩa tác phẩm văn học ứng dụng văn học; hướng dẫn sinh viên khai thác ý tưởng quảng bá và bảo vệ sinh thái; lan toả ý nghĩa sinh thái từ tác phẩm văn học.
30	Văn học và giới: lí thuyết và ứng dụng	3	Học phần phân tích các lí thuyết về giới, lí thuyết phê bình văn học nữ quyền; hướng dẫn sinh viên khai thác các vấn đề giới trong văn học Việt Nam và thế giới, từ đó tìm kiếm, thể hiện ý tưởng dự án bình đẳng giới trong cộng đồng xã hội (đặc biệt với giới nữ và LGBT). Môn học yêu cầu đánh giá kết quả người học bằng ý tưởng dự án tuyên truyền giới có tính thực tiễn, khả thi.
31	Các trường phái lí luận và phê bình văn học phương Tây	3	Học phần hệ thống và trình bày khái quát quá trình hình thành và phát triển của các trường phái lí luận – phê bình văn học phương Tây, đặc biệt là các trường phái lí luận xuất hiện trong thời kì văn học hiện đại, có ảnh hưởng lớn trong hoạt động nghiên cứu van học thế giới và Việt Nam. Học phần phân tích khái niệm, quan niệm nghệ thuật, hướng tiếp cận, điểm nội bật và hạn chế của các trường phái lí luận văn học trong việc tiếp cận tác phẩm. Học phần chú trọng hướng dẫn sinh viên thực hành phân tích, phê bình tác phẩm văn học từ các lý thuyết văn học phương Tây hiện đại.
32	Nghệ thuật học	3	Học phần tạo nền tảng cho sinh viên để đi sâu tìm hiểu loại hình nghệ thuật ngôn từ và những quy luật vận động cũng như tương tác giữa nó với các nghệ thuật tương cận. Học phần chỉ

			ra bản chất sáng tạo mang tính đặc thù về nhận thức thế giới và con người của nhiều loại hình nghệ thuật. Sinh viên sẽ được rèn luyện các kỹ năng liên quan đến nhận thức thẩm mỹ và hoạt động trong một số lĩnh vực nghệ thuật như: viết văn, sân khấu, điện ảnh….
33	Lịch sử văn minh thế giới	3	Học phần trình bày lịch sử phát triển các nền văn minh lớn của nhân loại từ cổ đến kim (thành tựu, ảnh hưởng); giải thích các vấn đề cơ bản, quan trọng của lịch sử phương Đông và phương Tây qua các nền văn hóa – văn minh lớn, có tầm ảnh hưởng xã hội đương đại.
34	Tiếng Việt thực hành	3	Học phần Tiếng Việt thực hành cung cấp kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt phục vụ cho việc học ngôn ngữ. *Ở cấp độ cơ bản*, sinh viên có khả năng hệ thống hóa được các nguyên tắc cơ bản trong thực tế sử dụng tiếng Việt ở các cấp độ ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và văn bản tiếng Việt hoàn chỉnh để sử dụng tiếng Việt chính xác và sáng tạo, tạo lập các văn bản thông thường. *Ở cấp độ nâng cao*, học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng nhận diện, phân loại và xử lý triệt để các lỗi dùng từ, lỗi câu và lỗi văn bản, biết viết tiểu luận. *Ở cấp độ mở rộng*, sinh viên vận dụng được kiến thức và có kỹ năng để ứng dụng môn học này trong việc sửa ngọng hay dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ cũng như học một ngôn ngữ khác hiệu quả hơn.
35	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	3	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục và công nghệ giáo dục, bao gồm quy trình nghiên cứu, xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng câu hỏi nghiên cứu, tổng quan tài

			liệu, thiết kế nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu, cũng như trình bày kết quả nghiên cứu. Học phần giúp người học bước đầu vận dụng các phương pháp, công cụ và công nghệ số để thực hiện một nghiên cứu quy mô nhỏ, đồng thời hình thành tư duy phản biện, đạo đức nghiên cứu và năng lực tự học phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học.
36	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cốt lõi về văn hóa Việt Nam. *Ở cấp độ cơ bản*, sinh viên hiểu được những kiến thức nền tảng về văn hóa Việt Nam qua hàng nghìn năm lịch sử. *Ở cấp độ nâng cao*, sinh viên hiểu rõ về cấu trúc văn hóa Việt Nam, sự hình thành hệ thống tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán… của dân tộc Việt Nam ở các vùng miền khác nhau; hiểu được sự tương đồng và khác biệt giữa các nền văn hóa của các dân tộc anh em trên cùng lãnh thổ Việt Nam. *Ở cấp độ mở rộng*, sinh viên có kiến thức và kỹ năng để hiểu rõ về văn hoá lịch sử, văn hoá địa phương, nghiên cứu văn hóa và các học phần liên văn hóa… hiệu quả hơn.
37	Tinh hoa triết học cổ điển Đông – Tây	3	Học phần khái quát quan niệm triết học Đông - Tây về các vấn đề cơ bản của vũ trũ, đời sống, tâm linh; giúp sinh viên tiếp cận tinh hoa triết học Đông - Tây từ nhiều phương diện khác nhau, phát triển tư duy phản biện, tư duy logic; khai mở hướng vận dụng triết học vào các lĩnh vực đời sống và khoa học.
38	Mỹ học đại cương	3	Học phần giúp sinh viên nhận thức bản chất, qui luật sáng tạo các loại hình nghệ thuật (trong đó có văn học) ở tầng sâu cấu trúc tư duy về cái chân-thiện-mỹ. Tạo nền tảng cho quá trình

			sáng tạo, đánh giá các sản phẩm có giá trị mỹ thuật, phục vụ cho các đối tượng tiếp nhận thuộc mỗi nền/vùng văn hóa khác nhau.
39	Văn hóa đại chúng	2	Học phần giải thích các khái niệm, đặc điểm, chức năng, các loại hình, vai trò, ảnh hưởng của văn hóa đại chúng; quá trình hình thành, phát triển, đặc điểm và hạn chế công nghiệp văn háo đại chúng trên thế giới, Việt Nam. Học phần giúp người học áp dụng các kiến thức về văn hóa đại chúng vào công việc lên ý tưởng cho các sản phẩm văn hóa, tạo dựng các chiến lược makerting, quản trị truyền thông, phê bình văn hóa nghệ thuật đương đại. Học đánh giá kết quả qua hoạt động tổ chức sự kiện, xây dựng ý tưởng phát triển và quản trị hoạt động văn hóa đại chúng.
40	Văn hóa và văn học hậu hiện đại	2	Học phần trình bày và phân tích hoàn cảnh văn hoá hậu hiện đại, đặc trưng văn hoá hậu hiện đại, triết học hậu hiện đại; từ đó phân tích quá trình hình thành và phát triển của văn học hậu hiện đại thế giới; thành tựu và đặc điểm văn học hậu hiện đại; so sánh văn học hậu hiện đại và văn học hiện đại. Học phần bước đầu phân tích dấu hiệu hậu hiện đại trong một số tác phẩm văn học Việt Nam. Phân tích khả năng phát triển và ứng dụng triết học, văn học hậu hiện đại trong hoạt động sáng tạo liên ngành: nghệ thuật điện ảnh, hội hoạ, âm nhạc, trong hoạt động truyền thông, quảng cáo.
41	Tổ chức sự kiện văn hóa, nghệ thuật	2	Học phần hệ thống kiến thức về sự kiện và tổ chức sự kiện: mục đích, đặc trưng các loại sự kiện; phân tích nguyên tắc, phương thức tổ chức sự kiện văn hóa – nghệ thuật; thực hành viết kịch bản sự kiện, tổ chức các loại sự kiện văn hóa nghệ thuật, xử lí tình huống sự kiện.

42	Tinh hoa văn học Nga và các hướng ứng dụng	2	Học phần trình bày khái quát lịch sử phát triển văn học Nga từ khởi thuỷ đến hiện đại. Hướng dẫn sinh viên phân tích các tác phẩm, giá trị tinh hoa của văn học Nga trong lịch sử phát triển. Các ảnh hưởng của văn học Nga với văn học châu Âu và Việt Nam. Học phần đồng thời thông qua phân tích giá trị văn học Nga, hướng dẫn SV xây dựng ý tưởng ứng dụng văn học Nga vào các lĩnh vực nghệ thuật, truyền thông.
43	Nhập môn điện ảnh và phê bình điện ảnh	3	Học phần giải thích khái niệm, đặc trưng điện ảnh; các thể loại phim điện ảnh; giới thiệu các phương pháp viết phê bình điện ảnh; hướng dẫn thực hành phân tích, phê bình phim điện ảnh.
44	Kỹ thuật quay và dựng phim	3	Học phần hệ thống kiến thức lí thuyết các yêu cầu kỹ thuật quay phim , nghệ thuật quay phim các thể loại, các yêu cầu của nghệ thuật dựng phim; hướng dẫn sinh viên tổ chức thực hiện quy trình quay và dựng phim
45	Kỹ thuật viết kịch bản điện ảnh	3	Học phần phân tích các thể loại kịch bản điện ảnh; thực hành viết và biên tập kịch bản điện ảnh. Học phần đánh giá kết quả bằng sản phẩm thực tế: SV viết ít nhất 2 kịch bản có thể dàn dựng và quay ngay.
46	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	3	Học phần phân tích các nguyên tắc truyền thông và truyền thông ở Việt Nam; lý thuyết truyền thông hiện đại, đặc thù và xu hướng truyền thông hiện đại thế giới và Việt Nam;

			hướng dẫn sinh viên làm quen các loại hình truyền thông hiện đại, đặc biệt là truyền thông số.
47	Tổ chức và quản trị sự kiện	3	Học phần hệ thống kiến thức về môi trường truyền thông, báo chí tại Việt Nam. Mô tả cách nhà nước quản lý và vận hành hệ thống thông tin báo chí, truyền thông. Phân tích mô hình quản lý tòa soạn, công ty truyền thông và mối quan hệ giữa quản lý nhà nước và cơ quan báo chí, truyền thông.
48	Kỹ năng viết kịch bản truyền thông	3	Học phần hệ thống kiến thức về chương trình truyền hình, truyền thanh và các chương trìnhh truyền thông khác; các loại kịch bản truyền thông, các yêu cầu trong viết kịch truyền thông; hướng dẫn sinh viên rèn luyện thuần thục kỹ năng viết kịch bản truyền thông.
49	Kỹ năng viết các thể loại báo chí	3	Học phần phân tích đặc thù các thể loại báo chí căn bản: tin, phóng sự, phỏng vấn, bình luận. Hướng dẫn thực hành thuần thục viết các thể loại báo chí căn bản có thể phát hành ngay
50	Nhập môn quan hệ công chúng	3	Học phần phân tích quan niệm quan hệ công chúng (Public Relations – PR); phân tích vai trò QHCC trong xã hội đương đại; phân tích xu hướng hoạt động QHCC; phân tích quan hệ công chúng & truyền thông; thực hành các kỹ năng cơ bản trong QHCC.
51	PR sản phẩm văn hóa nghệ thuật	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức chuyên biệt về PR trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật: xây dựng ý tưởng PR cho văn hóa nghệ thuật, tìm kiếm và thuyết phục khách hàng, bán ý tưởng PR cho các nhà sản xuất và quản lí văn hóa nghệ thuật; lập chiến lược PR ngắn và dài hạn cho văn hóa nghệ thuật.

52	Thể hiện ý tưởng	3	Học phần phân tích đặc điểm, mục đích, tính hiệu quả các loại bài SEO; xu hướng SEO thời kì công nghệ 4.0; xây dựng và thể hiện ý tưởng viết content; phát triển ý tưởng phát triển content; vận dụng văn học vào thể hiện ý tưởng content; viết bài PR và thông cáo báo chí; phát triển và quản trị các dạng bài PR.
53	Nghiệp vụ biên tập	3	Học phần mô tả hoạt động và yêu cầu của nghề biên tập: tư duy quản lý ý tưởng nội dung tổng quát cho các sản phẩm viết: tạp chí, báo, sách chuyên đề, tiểu phẩm… Phân tích các sản phẩm viết và hiệu chỉnh sản phẩm về nội dung, hình thức…
54	Tinh hoa sân khấu truyền thống phương Đông	3	Học phần giới thiệu lịch sử sân khấu Phương Đông; các đặc trưng và các yếu tố sân khấu Phương Đông, các loại hình sân khấu truyền thống Phương Đông: chèo, tuồng, rối nước, cải lương, đờn ca tài tử, kịch Nô, Hí kịch… trải nghiệm trình diễn nghệ thuật sân khấu truyền thống.
55	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3	Học phần trình bày và phân tích các loại khủng hoảng; phân tích vai trò của truyền thông trong khủng hoảng; phân tích nguyên tắc và cách thức xử lý khủng hoảng truyền thông trong thời công nghệ 4.0; hướng dẫn sinh viên thực hành xử lí tình huống khủng hoảng truyền thông; phân tích bài học xử lí khủng hoảng của doanh nghiệp ở Việt Nam và thế giới.
56	Giáo dục học đại cương	3	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng về giáo dục học, bao gồm bản chất, chức năng, vai trò và các yếu tố cấu thành của quá trình giáo dục; mục tiêu, nguyên lý và nội dung giáo dục; quá trình dạy học và quá trình hình thành, phát triển nhân cách

			người học. Học phần đồng thời giới thiệu một số vấn đề cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường và mối quan hệ giữa giáo dục với gia đình, xã hội. Qua đó, người học có khả năng vận dụng các nguyên lý giáo dục để nhận diện, phân tích và giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn giáo dục.
57	Tâm lý học giáo dục	3	Học phần trình bày và phân tích cơ bản các lí thuyết phát triển tâm lí học sinh, cơ sở tâm lí trong dạy học và giáo dục; hướng dẫn sinh viên nhận diện và lĩnh hội những đặc trưng lao động sư phạm, cấu trúc nhân cách của người giáo viên từ đó giúp sinh viên sẵn sàng tham gia vào quá trình kiến tập và thực tập sư phạm và làm cơ sở cho việc rèn luyện nhân cách người giáo viên các kĩ năng sư phạm trong các học kì tiếp theo.
58	Lý luận dạy học	3	Với tư cách là một bộ môn của khoa học giáo dục, học phần Lý luận dạy học sẽ cung cấp 6 chương nội dung, bao gồm: quá trình dạy học, các nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, các hình thức tổ chức dạy học, và đánh giá người học.
59	Giao tiếp sư phạm	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giao tiếp và giao tiếp sư phạm, bao gồm đặc điểm, chức năng, nguyên tắc, phương tiện và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giao tiếp trong môi trường giáo dục. Nội dung học phần chú trọng phát triển các kỹ năng lắng nghe, đặt câu hỏi, phản hồi, thuyết phục, ứng xử và xử lý các tình huống giao tiếp thường gặp giữa nhà giáo với người học, đồng nghiệp, phụ huynh và các bên liên quan. Qua học phần, người học hình thành phong cách giao tiếp phù hợp, tích cực, tôn trọng và chuyên nghiệp trong hoạt động giáo dục.

60	Lý luận và phương pháp đánh giá năng lực Ngữ văn	3	Học phần hệ thống kiến thức về cơ sở khoa học, khái niệm cơ bản về đánh giá năng lực; một số phương pháp, kĩ thuật, hình thức đánh giá năng lực; hướng dẫn sinh viên vận dụng được kiến thức vào việc thiết kế các hình thức đánh giá năng lực Ngữ văn.
61	Lý luận và phương pháp dạy học tiếp nhận văn bản ở trường trung học	3	Học phần trình bày kiến thức về văn bản (khái niệm, phân loại, đặc điểm) và hoạt động tiếp nhận văn bản giúp sinh viên nắm được những nội dung của vấn đề dạy học tiếp nhận văn bản ở nhà trường phổ thông (đặc điểm của hoạt động tiếp nhận văn bản trong trường phổ thông, mục tiêu dạy học tiếp nhận văn bản và các mô hình dạy đọc văn bản trong nhà trường), những phương pháp, chiến thuật dạy học tiếp nhận văn bản. Hướng dẫn sinh viên ứng dụng những điều trên vào việc soạn giảng giáo án tiếp nhận văn bản sử dụng hoạt động dạy học Ngữ văn ở trường trung học.
62	Tổ chức hoạt động giáo dục ở trường phổ thông	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trong trường phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Học phần trang bị cho người học năng lực lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và đánh giá các hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông, bao gồm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, sinh hoạt lớp, công tác chủ nhiệm và các hoạt động giáo dục tập thể; đồng thời rèn luyện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, ứng dụng công nghệ thông tin và xử lý các tình huống sư phạm trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục. Qua học phần, người học hình thành phẩm chất nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, đạo đức nhà giáo, năng lực đổi

			mới sáng tạo và ý thức học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của giáo viên Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông.
63	Lý luận và phương pháp dạy học tạo lập văn bản ở trường trung học	3	Học phần hệ thống kiến thức về lý luận và phương pháp dạy các kĩ năng tạo lập văn bản (nói, viết, trình bày). Bên cạnh đó, học phần hướng dẫn sinh viên thực hành các lý thuyết đã học với chính các bài học tạo lập văn bản trong sách giáo khoa Ngữ văn THPT; hướng dẫn người học vận dụng một cách linh hoạt kiến thức để thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học cho các bài học về tạo lập văn bản.
64	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Ngữ văn	3	Học phần hệ thống lý thuyết cách thức tổ chức và đánh giá hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Ngữ văn... Hướng dẫn người học thực hành lựa chọn các hoạt động trải nghiệm sáng tạo phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện và mục đích dạy học; hướng dẫn người học tổ chức các hoạt động này một cách linh hoạt, sáng tạo trong quá trình dạy học Ngữ văn.
65	Phân tích và phát triển chương trình Ngữ văn	3	Học phần trình bày kiến thức về vấn đề phân tích và phát triển chương trình giáo dục bậc trung học nói chung và chương trình môn Ngữ văn nói riêng, giúp sinh viên có được cái nhìn tổng quát về bước chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực của chương trình môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam. Học phần hướng dẫn sinh viên bước đầu vận dụng những kiến thức trên vào việc xác định mục tiêu, nguyên tắc và thực hành việc lựa chọn văn bản ngữ liệu dạy học, thiết kế kế hoạch dạy học và kế hoạch bài học Ngữ văn.

66	Lý luận chung về phương pháp dạy học Ngữ văn	3	Học phần hệ thống kiến thức về vai trò, ý nghĩa của bộ môn Ngữ văn trong nhà trường trung học; hồ sơ dạy học Ngữ văn; các lý thuyết và phương pháp dạy học hiện đại được vận dụng trong dạy học Ngữ văn; định hướng dạy học tích hợp và phân hóa trong dạy học Ngữ văn, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục. Học phần định hướng người học vận dụng các kiến thức vào việc xây dựng, quản lý và sử dụng hồ sơ dạy học, tổ chức một số hoạt động dạy học Ngữ văn và thực hiện một số hoạt động nghiên cứu về dạy học Ngữ văn trong nhà trường trung học.
67	Ngữ pháp tiếng Việt	3	Học phần Ngữ pháp tiếng Việt cung cấp những kiến thức nền tảng về ngữ pháp tiếng Việt. *Ở cấp độ cơ bản*, học phần trang bị cho người học kiến thức trọn vẹn về từ pháp như: đặc điểm của tiếng, từ ghép, đoản ngữ trong tiếng Việt. *Ở cấp độ nâng cao*, học phần cung cấp cho người học các kiến thức về lịch sử nghiên cứu cú pháp tiếng Việt, các cấp độ nghiên cứu câu (trên ba bình diện kết học, nghĩa học, dụng học), để người học vận dụng được các kiến thức này phục vụ cho việc học ngôn ngữ, đặc biệt là phân tích được cú pháp của ngôn từ hiện tại. *Ở cấp độ mở rộng*, sinh viên bước đầu biết vận dụng lí thuyết, áp dụng các kiến thức đã học để tìm hiểu sự giống và khác nhau cơ bản giữa tiếng Việt và ngôn ngữ mới đồng thời có khả năng hệ thống hóa được các nội dung cơ bản khi nghiên cứu diễn ngôn tiếng Việt nói chung và ngữ pháp tiếng Việt nói riêng.
68	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đo lường, kiểm tra và đánh giá trong giáo dục; mục đích, chức năng, nguyên tắc và các loại hình đánh giá kết quả học tập.

			Học phần giới thiệu các phương pháp và công cụ đánh giá phổ biến như câu hỏi trắc nghiệm, tự luận, bài tập thực hành, rubric và các hình thức đánh giá quá trình, đánh giá tổng kết. Người học được rèn luyện kỹ năng xây dựng công cụ đánh giá, phân tích một số chỉ số cơ bản về chất lượng công cụ và sử dụng kết quả đánh giá để phản hồi, cải tiến hoạt động dạy học và hỗ trợ ra quyết định trong giáo dục.
69	HPTN1: Ứng dụng văn học trong truyền thông, PR và nghệ thuật	4	Củng cố và nâng cao năng lực thể hiện ý tưởng ứng dụng văn học, thực hành kỹ năng ứng dụng văn học trong các lĩnh vực liên ngành: tâm lý, truyền thông, PR, môi trường, giới, phê bình điện ảnh,… Học phần đánh giá năng lực người học bằng các ý tưởng và sản phẩm ứng dụng văn học trong PR, tuyên truyền giáo dục về giới trong cộng đồng, tuyên truyền và bảo vệ sinh thái, viết trong truyền thông,…
70	HPTN2: Viết và tư duy sáng tạo trong ứng dụng văn học	4	Học phần hệ thống kiến thức ứng dụng văn học, trang bị cho sinh viên kiến thức về các mô thức sáng tạo trong văn học; từ đó, sinh viên vận dụng vào việc thực hành các kỹ năng viết sáng tạo. Về lý thuyết, học phần bàn đến các kiến thức về bản chất của quá trình viết văn, ý tưởng nền tảng cho viết văn, chọn lọc ý tưởng và sự kiện cho quá trình viết. Về thực hành, học phần đưa ra các công cụ nhằm kích thích tư duy và rèn luyện cách thức viết sáng tạo cho sinh viên.
71	HPTN1: Phương pháp dạy Ngữ văn ở trường phổ thông	4	Học phần phân tích chương trình dạy học Ngữ văn, cung cấp cho sinh viên kiến thức về nội dung, đặc điểm, kết cấu chương trình Ngữ Văn THPT từ đó hướng dẫn sinh viên tiếp cận các phương pháp dạy học hiệu quả (dựa trên lý thuyết tiếp nhận, tâm lý lứa tuổi, yêu cầu, triết lý đào tạo, môi trường và đối tượng học sinh) cho từng kiểu bài cụ thể thuộc các phân

			môn Văn – Tiếng Việt. Từ những phương pháp được hướng dẫn, sinh viên thực hành giảng văn.
72	HPTN2: Viết và tư duy sáng tạo trong giảng dạy Ngữ văn	4	Học phần hệ thống kiến thức ứng dụng văn học, trang bị cho sinh viên kiến thức về các mô thức sáng tạo trong văn học; từ đó, sinh viên vận dụng vào việc thực hành các kỹ năng viết sáng tạo. Về lý thuyết, học phần bàn đến các kiến thức về bản chất của quá trình viết văn, ý tưởng nền tảng cho viết văn, chọn lọc ý tưởng và sự kiện cho quá trình viết. Về thực hành, học phần đưa ra các công cụ nhằm kích thích tư duy và rèn luyện cách thức viết sáng tạo cho sinh viên.
73	Thực tập tốt nghiệp	4	- Sinh viên thực tập tại đơn vị theo văn bản hướng dẫn của Bộ môn. Sau khi kết thúc, sinh viên thuyết trình kết quả và nộp lại báo cáo thực tập cho GVHD. - Thực hành các công việc tại cơ sở giáo dục, các doanh nghiệp; nắm bắt kiến thức về luật lao động, giao tiếp nơi làm việc, ghi nhận lại những hoạt động liên quan đến vị trí thực tập. - SV thực hiện các hoạt động thực tế tại trường trung học dưới sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên, thực hiện các công việc dưới sự hướng dẫn của quản lý trực tiếp tại doanh nghiệp. - Sinh viên thực hiện theo quy trình thực tập của Khoa. Viết báo cáo thực tập cuối khóa theo mẫu đã hướng dẫn.
74	Khóa luận tốt nghiệp	8	Khóa luận tốt nghiệp dành cho sinh viên có điểm tích lũy đạt điều kiện, có năng lực và đam mê nghiên cứu khoa học. Đề tài do sinh viên lựa chọn liên quan đến khối kiến thức chuyên ngành, có tính mới và có giá trị khoa học. Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp được hình

			thành các kỹ năng nghiên cứu khoa học cùng những phẩm chất của một nhà khoa học. Từ đó, tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên có thể tiếp tục nghiên cứu ở các bậc học cao hơn.

7. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

7.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
7.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
7.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

8. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và Khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với mới trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

- Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;

- Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo "Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm";

- Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB.GV.NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;

- Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và CMCN 4.0;

- Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

9. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo

Ngày 11/12/2025

DUYỆT
Q. HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

PGS. TS. Nguyễn Hữu Cương

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Vũ Kim Bảng